|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NỘI VỤ  **VĂN PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN TỔNG HỢP , GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA BỘ NỘI VỤ**

**Tính đến 14h00 ngày 18/11/2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị góp ý** | **Nội dung ý kiến tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| 1 | **Vụ Tổng hợp** (CV số 254/TH ngày 16/11/2021) | **Về bố cục Đề án:** Đề nghị nêu ngắn gọn các khái niệm về chuyển đổi số, kinh tế số, Chính phủ số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tập trung vào nội dung thực trạng và giải pháp thực hiện Chuyển đổi số của Bộ. |  |
| **Về nội dung Đề án:**  - Tại nội dung Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ điện tử (trang 23), đề nghị bổ sung nội dung về hiện trạng dữ liệu văn bản chưa khắc phục được từ ngày 20/11/2020 trở về trước.  - Tại mục 17.2.1.1 (Các văn bản định hướng của Trung ương), có nêu 02 văn bản trùng nhau (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”), đề nghị rà soát, chỉnh sửa.  - Đề nghị rà soát đánh các đầu mục theo đúng thứ tự, ví dụ: hiện nay đang sắp xếp không theo đúng thứ tự như Mục 3.2.4. Hiện trạng ứng dụng Bộ Nội vụ, sang mục tiếp theo 17.1.1.1 Hiện trạng ứng dụng CNTT dùng chung trong công tác chỉ đạo, điều hành.  - Tại nội dung 19.1 (mô hình tổng quát chuyển đổi số) và 19.2 (phương pháp luận xây dựng mô hình Chuyển đổi số), đề nghị nêu ngắn gọn.  - Tại mục 20.7 (kế hoạch, lộ trình thực hiện) (trang 74), đề nghị cân nhắc đưa nội dung Xây dựng CSDL cán bộ nữ và mục 49, Phần III (Phát triển hạ tầng dữ liệu số ngành Nội vụ) (trang 82), tránh trùng lặp với Đề án CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (tại mục 30, phần III). |  |
| 2 | **Vụ Tổ chức phi chính phủ**  (CV số 409/ TCPCP ngày 16/11/2021) | - Đề nghị rà soát lại Bảng tổng hợp số liệu thủ tục hành chính tại trang 23 dự thảo Đề án.  - Đề nghị bổ sung việc nâng cấp phần mềm Cở sở dữ liệu hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ trong các giai đoạn tiếp theo trong Đề án chuyển đổi số của Bộ Nội vụ. |  |
| 3 | **Vụ Tiền lương**  (CV số 551/TL ngày 15/11/2021) | - **Về đánh giá hiện trạng ứng dụng CNTT trong CĐS của Bộ Nội vụ tại khoản 3.2 Mục 3 Đề án:** Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng về ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phần mềm, ứng dụng của Bộ Nội vụ của công chức, viên chức Bộ Nội vụ.  - **Về số liệu hiện trạng về thủ tục hành chính tại trang 23 Đề án:** Đề nghị rà soát lại bảng tổng hợp số liệu hiện trạng về thủ tục hành chính, trong đó có lĩnh vực tiền lương tại trang 23 dự thảo Đề án. |  |
| 4 | **Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương**  (CV số 3066/ BTĐKT-VP ngày 17/11/2021) | Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã xây dựng Đề án “Chuyển đổi số của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương giai đoạn 2022-2024” và trình Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 2051/TTr-BTĐKT ngày 10/11/2021, đề nghị Bộ Nội vụ (Văn phòng bộ) sử dụng thông tin trong Đề án “Chuyển đổi số của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương giai đoạn 2022-2025” đã trình Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 2051/TTr-BTĐKT ngày 10/11/2021. |  |
| 5 | **Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước**  (CV số 978/ VTLTNN-LTTLĐT ngày 16/11/2021) | **Mục tiêu, phạm vi, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án** cần nêu rõ và phân loại theo 02 mảng lớn (1) Chuyển đổi số trong nội bộ hoạt động của Bộ Nội vụ và (2) Chuyển đổi số đối với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. Trong đó đặc biệt chú ý các lĩnh vực có đặc thù về mặt dữ liệu như: Công chức viên chức, Văn thư - Lưu trữ, Địa giới hành chính…. |  |
| **Phần cơ sở pháp lý** đề nghị bổ sung Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chỉnh phủ phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 – 2025, trong đó có giao Bộ Nội vụ một số nhiệm vụ. |  |
| **Điểm a mục 6.2. Kiến tạo thể chế (trang 68)** sửa gạch đầu dòng thứ 2 “-Quy định về tiêu chuẩn kho lưu trữ số và các nghiệp vụ lưu trữ tài liệu điện tử” thành “- Xây dựng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành những văn bản quy định pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ văn thư - lưu trữ số”. |  |
| **Mục 6.3. Phát triển hạ tầng số (trang 69), bổ sung 02 nhiệm vụ sau:**  + Xây dựng Nền tảng Lưu trữ số quốc gia phục vụ thu thập, tích hợp tài liệu lưu trữ số có thời hạn bảo quản vĩnh viễn hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương (đưa vào Kế hoạch năm 2022).  + Thiết lập hạ tầng lưu trữ số đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử Phông Lưu trữ nhà nước Việt Nam, đặc biệt là nhiệm vụ tích hợp dữ liệu từ Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh nhằm phục vụ thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ số cấp 4 trên phạm vi toàn quốc (đưa vào Kế hoạch năm 2023). |  |
| **Mục 6.4 Phát triển dữ liệu số ngành Nội vụ (trang 69), bổ sung 03 nhiệm vụ sau:**  + Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ số Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam” bảo đảm quản lý tập trung thống nhất đầu mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ hiện đang lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức nhà nước từ trung ương đến địa phương (đưa vào Kế hoạch năm 2022-2023).  + Thực hiện số hóa 30% tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia (do Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đang giúp Bộ trực tiếp quản lý) đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ cấp độ 4 theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 -2025 (đưa vào Kế hoạch năm 2023, 2024, mỗi năm số hóa 10%).  + Có biện pháp chỉ đạo Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh thực hiện số hóa 30% tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ cấp độ 4 theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 -2025. |  |
| **Mục 6.7. Kế hoạch và lộ trình thực hiện**  + Năm 2022 (trang 71) cần ghi chú rõ nhiệm vụ “Số hóa, chỉnh lý hồ sơ tài liệu tại Lưu trữ cơ quan Bộ Nội vụ” để phân biệt với nhiệm vụ “Số hóa 30% tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia thuộc sự quản lý của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ”.  + Năm 2022 – 2025: Bổ sung các nhiệm vụ đã liệt kê trên. |  |
| **Mục 6.8. Tổng hợp Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai giai đoạn 2021 – 2025, chỉnh sửa bổ sung như sau:**  + Mục 4 sửa thành “Xây dựng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành những văn bản quy định pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ văn thư - lưu trữ số”, thời gian hoàn thành 2022 – 2025.  + Bổ sung sau số thứ tự 25, các nhiệm vụ:  “26. Xây dựng Nền tảng Lưu trữ số quốc gia phục vụ thu thập, tích hợp tài liệu lưu trữ số có thời hạn bảo quản vĩnh viễn hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương”, thời gian hoàn thành 2022 – 2023).  27. “Thiết lập hạ tầng lưu trữ số đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử Phông Lưu trữ nhà nước Việt Nam, đặc biệt là nhiệm vụ tích hợp dữ liệu từ Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh nhằm phục vụ thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ số cấp 4 trên phạm vi toàn quốc”, thời gian hoàn thành 2023- 2025”.  + Số thứ tự 35 sửa thành “Dự án Lưu trữ tài liệu điện tử Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam”  + Bổ sung tiếp theo số 35. |  |
| 36. “Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ số Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam bảo đảm quản lý tập trung thống nhất đầu mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ hiện đang lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức nhà nước từ trung ương đến địa phương”, thời gian hoàn thành 2022-2023”.  37. “Thực hiện số hóa 30% tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ cấp độ 4”, thời gian hoàn thành 2023-2025.  38. Có biện pháp chỉ đạo Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh thực hiện số hóa 30% tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ cấp độ 4. |  |
| **Mục 8. Kinh phí thực hiện, cần bổ sung kinh phí cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trên:**  + Nhiệm vụ “Thiết lập hạ tầng lưu trữ số đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử Phông Lưu trữ nhà nước Việt Nam, đặc biệt là nhiệm vụ tích hợp dữ liệu từ Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh nhằm phục vụ thực hiện dịch vụ công về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ số cấp 4 trên phạm vi toàn quốc”, đưa vào kế hoạch năm 2023 - 2025, dự kiến kinh phí 193 tỷ chia 2 hoặc 3 năm.  + Nhiệm vụ số hóa 20% tài liệu lưu trữ có tần suất sử dụng cao tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia (10% thuộc kế hoạch năm 2023, 10% thuộc kế hoạch 2024, 10% dùng nguồn kinh phí được cấp thường xuyên), dự kiến kinh phí 189 tỷ đồng chia 2 năm (tổng số mét tài liệu cần số hóa là 33,734 x 20% = 6,747 mét x 10.000 trang/1 mét = 67.470.000 trang x 2.800 đồng /1 trang).  + Các nhiệm vụ khác nêu trên và nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực văn thư – lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đã nêu trong dự thảo Đề án) cần được bố trí kinh phí phù hợp trên cơ sở cân đối tổng thể kinh phí của dự án. |  |
| 6 | **Ban Tôn giáo  Chính phủ**  (CV số 1483/ TGCP-TTTT ngày 16/11/2021) | Đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện 2 dự án liên quan đến tôn giáo (ở mục 6.8. Tổng hợp Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai giai đoạn 2021-2025, số thứ tự 33, 34 trang 79) như sau:  - Dự án: Xây dựng bản đồ tôn giáo và hiện bản đồ cơ sở thờ tự tôn giáo  + Mục tiêu: Hoàn thành 2023- 2025  + Đơn vị chủ trì: Ban Tôn giáo Chính phủ  + Thời gian: 2021-2025.  - Dự án: Xây dựng hệ thống bảo mật cơ sở dữ liệu và truy cập từ xa cổng thông tin điện tử  + Mục tiêu: Hoàn thành 2022- 2025  + Đơn vị chủ trì: Ban Tôn giáo Chính phủ  + Thời gian: 2021-2025. |  |
| 7 | **Viện Khoa học tổ chức nhà nước**  (CV số 363/ VKH-TTKH ngày 16/11/2021) | Tại **mục 3.2.6. (trang 26-27)** Hiện trạng hệ thống thông tin và CSDL chuyên ngành Bộ Nội vụ, thống kê CSDL chuyên ngành của Bộ Nội vụ còn thiếu CSDL Khoa học và công nghệ Bộ Nội vụ do Viện Khoa học tổ chức nhà nước đang quản lý, sử dụng. |  |
| Tại **mục 1.1.1.1.1. Phần mềm thi tuyển, thi nâng ngạch công chức (thi tuyển trực tuyến trên máy tính –trang 128) và mục 3.2.4.2 (trang 25)** đề nghị sửa lại như sau:  Phần mềm thi tuyển, thi nâng ngạch công chức được đưa vào sử dụng thử nghiệm từ năm 2011, đến tháng 12/2021 đã hỗ trợ một số Bộ, ngành và địa phương tổ chức thi tuyển dụng, nâng ngạch và thăng hạng thành công 115 lần. Một số bộ ngành và địa phương đã tín nhiệm tổ chức thi nhiều lần như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 lần), Bộ Tài chính (3 lần), Tổng cục Thuế (4 lần), Tổng cục Hải Quan (2 lần), tỉnh Quảng Ngãi (6 lần), tỉnh Quảng Nam (4 lần), tỉnh Thanh Hóa (4 lần), tỉnh Lạng Sơn (4 lần)… |  |
| Tại **Mục 11.4.2.1.9. (trang 132)** Website/Trang thông tin điện tử có đưa thông tin “Trang thông tin Viện Khoa học Tổ chức nhà nước tại địa chỉ: http://isos.gov.vn/, tuy nhiên trang thông tin điện tử của đơn vị chưa liên kết, tích hợp thông tin với cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011”. Tuy nhiên, tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP không quy định đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ phải liên liên kết, tích hợp thông tin với cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông. |  |
| Trong Bảng Tổng hợp Danh mục các nhiệm vụ (trang 81, số thứ tự 51), đề nghị sửa đơn vị chủ trì Xây dựng CSDL khoa học công nghệ của ngành nội vụ là “Viện Khoa học tổ chức nhà nước”. |  |
| Trang 102, 103, 104, 106, 107: Tại các mục 11.2.5 Vụ Chính quyền địa phương, 11.2.6 Vụ Công tác thanh niên Bộ Nội vụ, 11.2.7 Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 11.2.8, Vụ Pháp chế, 11.2.9 Vụ Tiền lương, đề nghị sửa lại hệ thống trang thiết bị đầu cuối của các đơn vị này (vì tất cả nội dung ở các mục này đều đang ghi hiện trạng thiết bị của Viện Khoa học tổ chức nhà nước là chưa đúng). |  |
| 8 | **Phòng Tổng hợp – Thư ký (Văn phòng Bộ)**  **(**CV số 311 ngày 16/11/2021) | **Tại mục 6:** Xem xét, bổ sung nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số: Làm chủ nền tảng số và an toàn, an ninh không gian mạng chuyển đổi số của Bộ Nội vụ. Phải đưa việc bảo đảm an toàn, an ninh mạng song hành và trở thành một phần không thể tách rời của chuyển đổi số Bộ Nội vụ, gắn với chuyển đổi số quốc gia. |  |
| **Tại mục 7:** Xem xét, bổ sung kết quả, hiệu quả dự kiến đạt được khi Đề án được phê duyệt và triển khai tại Bộ Nội vụ (Hiệu quả về kinh tế, về môi trường, về chất lượng phục vụ hoạt động quản trị nội bộ, về chất lượng cung cấp dịch vụ công, ...) |  |
| 9 | **Vụ Cải cách hành chính**  **(**CV số 371/ CCHC ngày 17/11/2021) | Bổ sung Mục “Giải thích từ ngữ” để giải thích các thuật ngữ sử dụng, các từ viết tắt trong dự thảo Đề án. Ví dụ: Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence -  AI); Internet vạn vật (IoT); Dữ liệu lớn (Big Data); Điện toán đám mây (Cloud Computing); Chuỗi khối (Blockchain), LGSP, NDXP,… |  |
| Cần phân biệt rõ sự khác nhau giữa Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và Chuyển đổi số, cụ thể như sau:  - Ứng dụng công nghệ thông tin là tối ưu hóa quy trình đã có, theo mô hình hoạt động đã có, để cung cấp dịch vụ đã có.  - Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể (mọi bộ phận) và toàn diện (mọi mặt) của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số. Là thay đổi quy trình mới, thay đổi mô hình hoạt động mới, để cung cấp dịch vụ mới hoặc cung cấp dịch vụ đã có theo cách mới. |  |
| Dự thảo Đề án nhắc nhiều đến cụm từ “Công nghệ số”, tuy nhiên chưa giải thích rõ Công nghệ số là gì, gồm những thành phần nào, đã trải qua bao nhiêu giai đoạn, do vậy đề nghị bổ sung như sau:  Công nghệ số: Nghĩa rộng là công nghệ xử lý tín hiệu số hay CNTT; nghĩa hẹp là một bước phát triển cao hơn của CNTT, cho phép tính toán nhanh hơn, xử lý dữ liệu nhiều hơn, truyền tải dung lượng lớn hơn, chi phí rẻ hơn, đã trải qua:  - Làn sóng thứ nhất, giai đoạn 1985 - 1999: Phổ biến của máy vi tính, số hóa thông tin, chuyển các tài liệu từ bản giấy sang bản điện tử.  - Làn sóng thứ hai, giai đoạn 2000 - 2015: Phổ biến Internet, điện thoại di động, mạng viễn thông di động, số hóa quy trình nghiệp vụ, tin học hóa các quy trình nghiệp vụ để nâng cao năng suất, hiệu quả.  - Làn sóng thứ ba, giai đoạn 2015 - dự kiến 2030: Công nghệ số, Chuyển đổi số, đưa toàn bộ các hoạt động từ xã hội thực lên không gian mạng, từ môi trường truyền thống lên môi trường số.  - Bốn công nghệ số tiêu biểu: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây. |  |
| Đề nghị đơn vị soạn thảo nêu khái quát bốn cuộc cách mạng đã qua, nhấn mạnh điểm khác biệt của Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư so với ba cuộc cách mạng còn lại, cụ thể:  - Cách mạng công nghiệp: Xảy ra khi có đột phá lớn về công nghệ dẫn đến các thay đổi sâu sắc trong sản xuất và xã hội.  - Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: Cuối thể kỷ 18, phát minh ra động cơ hơi nước và tạo ra sản xuất cơ khí.  - Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: Đầu thế kỷ 20, điện lực và tạo ra sản xuất hàng loạt.  - Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: Những năm 1970, điện tử, máy tính, Internet, tạo ra sản xuất tự động.  - Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: thập kỷ này, với các đột phá và cộng hưởng của các công nghệ số và tạo ra sản xuất thông minh.  - Cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa là máy móc thay lao động chân tay. Cuộc cách mạng lần thứ tư là thông minh hóa, là máy móc thay lao động trí óc. |  |
| Cần phân biệt, có sự so sánh giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số, hiện nay đề án mới chỉ tập trung đưa khái niệm. |  |
| Đề án chưa có khái niệm về Chia sẻ dữ liệu |  |
| Đề xuất tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về Chuyển đổi số trong và ngoài nước, nhất là các quốc gia thành công trong phát triển chính phủ số: Đan Mạch, Estonia, Hàn Quốc, Singapore |  |
| Khi xây dựng dự thảo Đề án cần bám sát các văn bản của Bộ đã ban hành: Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 23/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nội vụ, phiên bản 2.0; Quyết định số 53/QĐ-BNV ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 151/QĐ-BNV ngày 25/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nội vụ. |  |
| Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát thể thức và trình bày dự thảo Đề án theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, đồng thời rà soát toàn bộ dự thảo Đề án do nhiều nội dung trùng lặp, một số văn bản dẫn chiếu sai tên, ngày ban hành văn bản… |  |
| Về lĩnh vực cải cách hành chính được tại Tiết 2.2.9 Điểm 2.2 Khoản 2 Mục 9 dự thảo Đề án, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa lại như sau: Đề xuất về việc nâng cấp “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”. |  |
| Đề nghị đơn vị soạn thảo báo cáo cấp có thẩm quyền có văn bản gửi xin ý kiến tham gia góp ý của Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan tham mưu, giúp việc Thủ tướng Chính phủ triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030) và các cơ quan liên quan để hoàn thiện dự thảo Đề án trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. |  |
| 10 | **Vụ Đào tạo**  **(**CV số 396/ĐT ngày 16/11/2021) | Tại bảng “6.8. tổng hợp Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai giai đoạn 2021-2025”, đề nghị bổ sung nhiệm vụ của Vụ Đào tạo là:  + Nâng cấp các phần mềm khai thác, vận hành, nâng cấp tốc độ và tính năng Phần mềm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các bộ ngành Trung ương và địa phương; Phần mềm tổng hợp báo cáo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.  + Triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. |  |
| 11 | **Thanh tra Bộ**  **(**CV số 504/ TTBNV-PTH ngày 16/11/2021) | Đề nghị cân nhắc bổ sung một số nội dung tại Mục 11.4.2.15 (trang 124) Biểu Hệ thống báo cáo, thống kê như sau:  - Số thứ tự 3 “Báo cáo phòng chống tham nhũng”: Thay thế nội dung tại cột 4 “Văn bản hướng dẫn của Thanh tra BNV” thành “Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ”.  - Số thứ tự 5 “Báo cáo phòng chống tội phạm”: Thay thế nội dung tại cột 4 “Văn bản hướng dẫn của Thanh tra BNV” thành “Quy chế phối hợp của Ban Chỉ đạo 138/CP của Chính phủ”.  - Đề nghị bổ sung việc đánh giá hiện trạng, công tác quản lý đối với Cổng thông tin tác nghiệp trực tuyến thanh tra ngành Nội vụ đã được Thanh tra Bộ bàn giao Trung tâm Thông tin. Hiện nay, Thanh tra Bộ không thể khai thác được Hệ thống này. |  |
| 12 | **Phòng Thi đua – Khen thưởng và Truyền thông** (Văn phòng Bộ)  **(**CV số 259/ TĐKTTT ngày 12/11/2021) | Tại Khoản 3.2.6, Mục 3.2, Phần 3, đề nghị bổ sung vào “Bảng 2. Danh sách các ứng dụng đang sử dụng” nội dung như sau:  - Tên cơ sở dữ liệu: Phần mềm quản lý công tác Thi đua - Khen thưởng.  - Hiện trạng: Đã đưa vào sử dụng.  - Đơn vị quản lý sử dụng: Bộ Nội vụ. |  |
|  |  | Tại Điểm 3.3.1.2, Khoản 3.3.1, Mục 3.3, Phần 3, đề nghị bổ sung văn bản định hướng của Bộ Nội vụ là: “Quyết định số 1105/QĐ-BNV ngày 15/10/2021 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030”. |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |